



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

tôi

ek

bạn
đại từ

jy

anh ấy

hy

cô ấy

sy

nó

dit

chúng tôi / chúng ta

ons

các bạn

julle

họ

hulle

cái gì

wat

ai

wie

ở đâu

waar

tại sao

hoekom

làm sao

cái nào

lúc nào

hoe

watter

wanneer

sau đó

nếu

thật sự

dan

as

regtig

nhưng

bởi vì

không

maar

omdat

nie

này

đó
vật

tất cả

hierdie

daardie

almal

hoặc

or

và

and

đây

here

đó
địa điểm

there

trái

left

phải

right

bây giờ

now

buổi chiều

middag
midday

buổi sáng
9:00-11:00

voormiddag
forenoon

ban đêm

nag
night

buổi sáng
6:00-9:00

oggend
forenoon

buổi tối

aand
evening

buổi trưa

middag
middae

nửa đêm

middernag
middernagte

giờ

uur
ure

phút

minuut
minute

giây

seconde
sekondes

ngày

dag
dae

tuần

week
weke

tháng

maand
maande

năm

jaar
jare

hôm qua

gister

hôm nay

vandag

ngày mai

môre

thứ hai
ngày

Maandag
Maandae

thứ ba
ngày

Dinsdag
Dinsdae

thứ tư
ngày

Woensdag
Woensdae

thứ năm

Donderdag
Donderdae

thứ sáu

Vrydag
Vrydae

thứ bảy

Saterdag
Saterdae

chủ nhật

Sondag
Sondae

đàn bà

vrou
vrouens

đàn ông

man
mans

tình yêu

liefde
liefdes

bạn trai

kêrel
kêrels

bạn gái

vriendin
vriendinne

bạn
danh từ

vriend
vriende

hôn
danh từ

soen
soene

tình dục

seks
seks

trẻ em

kind
kinders

con gái
đại cương

meisie
meisies

con trai
đại cương

seuntjie
seuntjies

mẹ

ma
ma's

ba

pa
pa's

má
mẹ

moeder
moeders

cha

vader
vaders

cha mẹ

ouers
ouers

con trai
gia đình

seun
seuns

con gái
gia đình

dogter
dogters

em gái

kleinsus
kleinsusse

em trai

kleinboet
kleinboete

chị gái

ousus
oususse

anh trai

ouboet
ouboete

chồng

eggenoot
eggenote

vợ

eggenote
eggenotes

mỗi / mọi

elke

luôn luôn

altyd

thực ra

eintlik

lần nữa

weer

đã

reeds

ít hơn

minder

phần lớn

meeste

nhiều hơn

meer

không có

geen

rất

baie

ở ngoài

buite

ở trong

binne

xa

ver

gần

naby

bên dưới

onder

bên trên

bo

bên cạnh

langsaan

phía trước

voor

phía sau

agter

mọi người

almal

cùng nhau

saam

khác

ander

mùa xuân

lente
lentes

mùa hè

somer
somers

mùa thu

herfs
herfste

mùa đông

winter
winters

tháng một

Januarie
Januariemaande

tháng hai

Februarie
Februariemaande

tháng ba

Maart
Maartemaande

tháng tư

April
Aprilmaande

tháng năm

Mei
Meimaande

tháng sáu

Junie
Juniemaande

tháng bảy

Julie
Juliemaande

tháng tám

Augustus
Augustusmaande

tháng chín

September
Septembermaande

tháng mười

Oktober
Oktobermaande

tháng mười một

November
Novembermaande

tháng mười hai

Desember
Desembermaande

bắc

noord

đông

oos

nam

suid

tây

wes

thường xuyên

dikwels

ngay lập tức

onmiddellik

đột ngột

skielik

mặc dù

alhoewel

Số

0

nul

1

een

2

twee

3

drie

4

vier

5

vyf

6

ses

7

sewe

8

agt

9

nege

10

tien

11

elf

12

twaaif

13

dertien

14

veertien

15

vyftien

16

sestien

17

sewentien

18

agtien

19

negentien

20

twintig

21

een en twintig

22

twee en twintig

26

ses en twintig

30

dertig

31

een en dertig

33

drie en dertig

37

sewe en dertig

40

veertig

41

een en veertig

44

vier en veertig

48

agt en veertig

50

vyftig

51

een en vyftig

55

vyf en vyftig

59

nege en vyftig

60

sestig

61

een en sestig

62

twee en sestig

66

ses en sestig

70

sewentig

71

een en sewentig

73

drie en sewentig

77

sewe en sewentig

80

tagtig

81

een en tagtig

84

vier en tagtig

88

agt en tagtig

90

negentig

91

een en negentig

95

vyf en negentig

99

nege en negentig

100

honderd

101

honderd en een

105

honderd en vyf

110

honderd en tien

151

honderd een en vyftig

200

tweehonderd

202

tweehonderd en twee

206

tweehonderd en ses

220

tweehonderd en twintig

262

tweehonderd twee en zestig

300

driehonderd

303

driehonderd en drie

307

driehonderd en zeven

330

driehonderd en dertig

373

driehonderd drie en zeventig

400

vierhonderd

404

vierhonderd en vier

408

vierhonderd en acht

440

vierhonderd en veertig

484

vierhonderd vier en tachtig

500

vyfhonderd

505

vyfhonderd en vyf

509

vyfhonderd en nege

550

vyfhonderd en vyftig

595

vyfhonderd vyf en negentig

600

seshonderd

601

seshonderd en een

606

seshonderd en ses

616

seshonderd en sestien

660

seshonderd en sestig

700

sewehonderd

702

sewehonderd en twee

707

sewehonderd en sewe

727

sewehonderd sewe en
twintig

770

sewehonderd en sewentig

800

agthonderd

803

agthonderd en drie

808

agthonderd en agt

838

agthonderd agt en dertig

880

agthonderd en tagtig

900

negehonderd

904

negehonderd en vier

909

negehonderd en nege

949

negehonderd nege en
veertig

990

negehoederd en negentig

1000

eenduiseud

1001

duiseud en een

1012

duiseud en twaalf

1234

eenduiseud tweehonderd
vier en dertig

2000

tweeduiseud

2002

tweeduiseud en twee

2023

tweeduiseud drie en twintig

2345

tweeduiseud driehonderd vyf
en veertig

3000

drieduiseud

3003

drieduiseud en drie

4000

vierduiseud

4045

vierduisend vyf en veertig

5000

vyfduisend

5678

vyfduisend seshonderd agt
en sewentig

6000

sesduisend

7000

seweduisend

7890

seweduisend agthonderd en
negentig

8000

agtduisend

8901

agtduisend negehonderd en
een

9000

negeduisend

9090

negeduisend en negentig

10.000

tienduisend

10.001

tienduisend en een

20.020

twintigduisend en twintig

30.300

dertigduisend driehonderd

44.000

vier en veertig duisend

100.000

honderdduisend

500.000

vyfhonderdduisend

1.000.000

een miljoen

6.000.000

ses miljoen

10.000.000

tien miljoen

70.000.000

sewentig miljoen

100.000.000

honderd miljoen

800.000.000

agt honderd miljoen

1.000.000.000

een miljard

9.000.000.000

nege miljard

10.000.000.000

tien miljard

20.000.000.000

twintig miljard

100.000.000.000

honderd miljard

300.000.000.000

driehonderd miljard

1.000.000.000.000

een biljoen

Động từ

biết

weet

wetende, geweest

nghĩ

dink

denkende, gedink

đến

kom

komende, gekom

đặt

sit

sittende, gesit

lấy

neem

nemende, geneem

tìm

vind

vindende, gevind

nghe

luister

luisterende, geluister

làm việc

werk

werkende, gewerk

nói chuyện

praat

pratende, gepraat

cho

gee

gewende, gegee

thích

van te hou

houende van, gehou van

giúp đỡ

help

helpende, gehelp

yêu

liefhê
liefhebbende, liefgehad

gọi

bel
belende, gebel

chờ đợi

wag
waggende, gewag

đứng

staan
staande, gestaan

ngồi

sit
sittende, gesit

đóng

toemaak
toemakende, toegemaak

mở
cửa

oopmaak
oopmakende, oopgemaak

thua

verloor
verlorende, verloor

thăng

wen
wennende, gewen

chết

sterf
sterwende, gesterf

sống
động từ

leef
lewende, geleef

bật

aanskakel
aanskakelende, aangeskakel

tắt

afskakel
afskakelende, afgeskakel

giết

dood te maak
doodmakende, dood gemaak

làm bị thương

beseer
beserende, beseer

chạm

voel
voelende, gevoel

xem

kyk
kykende, gekyk

uống

drink
drinkende, gedrink

ăn

eet
etende, geëet

đi bộ

loop
lopende, geloop

gặp

ontmoet
ontmoetende, ontmoet

đặt cược

n weddenskap aangaan
weddende, gewed

hôn
động từ

soen
soenende, gesoen

đi theo

volg
volgende, gevolg

cưới

trou
trouende, getrou

trả lời

antwoord
antwoorde, geantwoord

hỏi

vra
vraende, gevra

kéo

trek
trekkende, getrek

đẩy

stoot
stotende, gestoot

ấn

druk
drukkende, gedruk

đánh

slaan
slanende, geslaan

bắt

vang
vangende, gevang

chiến đấu

veg
vegtende, geveg

ném

gooi
gooiende, gegooi

chạy
động từ

hardloop
hardlopende, gehardloop

đọc

lees
lesende, gelees

viết

skryf
skrywende, geskryf

sửa chữa

herstel
herstellende, geherstel

đếm

tel
tellende, getel

cắt

sny
snyende, gesny

bán

verkoop
verkopende, verkoop

mua

koop
kopende, gekoop

trả

betaal
betalende, betaal

học

studeer
studerende, gestudeer

mơ

droom
dromende, gedroom

ngủ

slaap
slapende, geslaap

chơi

speel
spelende, gespeel

ăn mừng

vier
vierende, gevier

thưởng thức

geniet
genietende, geniet

dọn dẹp

skoonmaak
skoonmakende, skoongemaak

bắn

skiet
skietende, geskiet

bảo vệ

verdedig
verdedigende, geverdedig

tấn công

aan te val
aanvallende, aangeval

trộm

steel
stelende, gesteel

đốt

brand
brandende, gebrand

cứu

red
reddende, gered

bay

vlieg
vlieënde, gevlieg

khắc nhổ

spoeg
spoegende, gespoeg

đá
động từ

skop
skoppende, geskop

cắn

byt
bytende, gebyt

thở

asemhaling
asemhalende, asemgehaal

ngửi

ruik
ruikende, geruik

khóc

huil
huilende, gehuil

hát

sing
singende, gesing

cười mỉm

glimlag
glimlaggende, geglimlag

cười

lag
laggende, gelag

lớn lên

groei
groeierende, gegroei

co lại

krimp
krimpende, gekrimp

tranh luận

stry
stryende, gestry

chia sẻ

deel
delende, gedeel

cho ăn

voed
voedende, gevoed

trốn

weg te steek
wegstekende, weggesteek

cảnh báo

waarsku
waarskuwende, gewaarsku

bơi

swem
swemmende, geswem

nhảy

spring
springende, gespring

nâng

lig
ligtende, gelig

đào

grawe
grawende, gegrawe

giao hàng

aflewer
aflewerende, afgelewer

tìm kiếm

soek
soekende, gesoek

luyện tập

oefen
oefenende, geoefen

đi du lịch

reis
reisende, gereis

vẽ

verf
verwende, geverf

mở
khóa

oopmaak
oopmakende, oopgemaak

khóa

sluit
sluitende, gesluit

rửa

was
wassende, gewas

cầu nguyện

bid
biddende, gebid

nấu ăn

gaarmaak
gaarmakende, gaargemaak

nôn

braak
brakende, gebraak

la hét

skree
skreeuende, geskree

trích dẫn

aanhaal
aanhalende, aangehaal

in

druk
drukkende, gedruk

tính toán

bereken
berekende, bereken

kiếm tiền

verdien
verdienende, verdien

Tính từ

mới

nuut
nuwer, nuutste

cũ

oud
ouer, oudste

ít

min

nhiều

baie

sai

verkeerd
verkeerder, verkeerdste

chính xác

korrek
korrekter, korrekste

xấu

sleg
slegter, slegste

tốt

goed
beter, beste

hạnh phúc

gelukkig
gelukkiger, gelukkigste

ngắn

kort
korter, kortste

dài

lank
langer, langste

nhỏ

klein
kleiner, kleinste

lớn
to

groot
groter, grootste

xinh đẹp

pragtig
pragtiger, pragtigste

trẻ

jonk
jonger, jongste

già

oud
ouer, oudste

màu trắng

wit
witter, witste

màu đen

swart
swarter, swartste

màu đỏ

rooi
rooier, rooiste

màu xanh da trời

blou
blouer, blouste

màu xanh lá cây

groen
groener, groenste

màu vàng

geel
geler, geelste

chậm

stadig
stadiger, stadigste

nhanh

vinnig
vinniger, vinnigste

vui vẻ

snaaks
snaakser, snaakste

không công bằng

onregverdig
onregverdiger, onregverdigste

công bằng

regverdig
regverdiger, regverdigste

khó

moeilik
moeiliker, moeilikste

dễ

maklik
makliker, maklikste

giàu

ryk
ryker, rykste

nghèo

arm
armer, armste

khỏe

sterk
sterker, sterkste

yếu

swak
swakker, swakste

an toàn

veilig
veiliger, veiligste

mệt mỏi

moeg
moër, moegste

tự hào

trots
trotsen, trotste

no bụng

versadig

versadiger, versadigste

bệnh

siek

sieker, siekste

khỏe mạnh

gesond

gesonder, gesondste

tức giận

kwaad

kwater, kwaadste

thấp

đại cương

laag

laer, laagste

cao

đại cương

hoog

hoër, hoogste

ngọt

soet

soeter, soetste

chua

suur

suurder, suurste

mềm

sag

sagter, sagste

cứng

hard

harder, hardste

đáng yêu

oulik

ouliker, oulikste

ngu ngốc

onnosel

onnoseler, onnoselste

điên hùng

gek
gekker, gekste

bận rộn

besig
besiger, besigste

cao
người

lank
langer, langste

thấp
người

kort
korter, kortste

lo lắng

bekommerd
bekommerder, bekommerdste

ngạc nhiên

verras
meer verras, meeste verras

cư xử tốt

goed gedra
beter gedra, beste gedra

ác độc

boos
boser, booste

khéo léo

slim
slimmer, slimste

lạnh

koud
kouer, koudste

nóng

warm
warmer, warmste

màu cam

oranje
oranjier, oranjeste

màu xám

grys
gryser, grysste

màu nâu

bruin
bruiner, bruinste

màu hồng

pienk
pienker, pienkste

nhàm chán

vervelig
verveliger, verveligste

nặng

swaar
swaarder, swaarste

nhẹ

lig
ligter, ligste

cô đơn

eensaam
eensamer, eensaamste

đói bụng

honger
hongerder, hongerste

khát nước

dors
dorser, dorste

buồn

hartseer
hartseerder, hartseerste

dốc

steil
steiler, steilste

bằng phẳng

plat
platter, platste

hẹp

nou
nouer, nouste

rộng

breed
breër, breedste

sâu

diep
dieper, diepste

nông

vlak
vlakker, vlakste

lớn
rất

groot
groter, grootste

bẩn

vuil
vuiler, vuilste

sạch sẽ

skoon
skoner, skoonste

đầy

vol
voller, volste

trống rỗng

leeg
leër, leegste

đắt

duur
duurder, duurste

rẻ

goedkoop
goedkoper, goedkoopste

quyến rũ

sexy
sexier, sexyste

lười biếng

lui
luiert, luiertste

dũng cảm

dapper
dapperder, dapperste

hào phóng

vrygewig
vrygewiger, vrygewigste

ướt

nat
natter, natste

khô

droog
droër, droogste

ồn ào

hard
harder, hardste

yên tĩnh

stil
stiller, stilste

nắng

sonnig
sonniger, sonnigste

nhiều mưa

reënerig
reëneriger, reënerigste

sương mù
tính từ

mistig
mistiger, mistigste

nhiều mây

bewolk
meer bewolk, mees bewolk

Thể thao

thể dục dụng cụ

gimnastiek

quần vợt

tennis

chạy
danh từ

hardloop

đạp xe

fietsry

đánh golf

golf

bóng đá

sokker

bóng rổ

basketbal

bơi lội

swem

lặn

onderwaterduik

đi bộ đường dài

stap

chạy marathon

maraton

ba môn phối hợp

driekamp

bóng bàn

tafeltennis

cử tạ

gewigoptel

quyền anh

boks

cầu lông

pluimbal

trượt băng nghệ thuật

figuurskaats

trượt ván tuyết

sneeu plankry

trượt tuyết

ski

trượt tuyết băng đồng

langlauf

khúc côn cầu trên băng

yshokkie

bóng chuyền

vlugbal

bóng ném

handbal

bóng chuyền bãi biển

strandvlugbal

bóng rugby

rugby

bóng gậy

krieket

bóng chày

bofbal

bóng bầu dục Mỹ

Amerikaanse voetbal

bóng nước

waterpolo

nhảy cầu

sierduik

lướt sóng

branderplankry

đua thuyền buồm

seilvaart

chèo thuyền

roei

yoga

joga

khiêu vũ

dans

nhảy dù

valskermsspring

cờ vua

đánh bài poker

bowling

skaak

poker

bowling

múa ba lê

ballet

Động vật

con lợn

vark
varke

con bò

koei
koeie

con ngựa

perd
perde

con chó

hond
honde

con cừu

skaap
skape

con khỉ

aap
ape

con mèo

kat
katte

con gấu

beer
bere

con gà

hoender
hoenders

con vịt

eend
eende

con bướm

skoenlapper
skoenlappers

con ong

by
bye

con cá

vis
visse

con nhện

spinnekop
spinnekoppe

con rắn

slang
slange

con hổ

tier
tiere

con chuột

muis
muise

con thỏ

haas
hase

con sư tử

leeu
leeus

con lừa

donkie
donkies

con voi

olifant
olifante

con chim bồ câu

duif
duiwe

con bọ

gogga
goggas

con muỗi

muskiet
muskiete

con ruồi

vlieg
vlieë

con kiến

mier
miere

con cá voi

walvis
walvisse

con cá mập

haai
haaie

con cá heo

dolfyn
dolfyne

con ốc sên

slak
slakke

con ếch

padda
paddas

con gấu trúc

panda
pandas

con gấu Bắc cực

ysbeer
ysbere

con chó sói

wolf
wolwe

con gấu túi

koala
koalas

con chuột túi

kangaroo
kangaroos

con hươu cao cổ

kameelperd
kameelperde

con cáo

jakkals
jakkalse

con hà mã

seekoei
seekoeie

con dơi

vlermuis
vlermuise

con quạ

raaf
rawe

con thiên nga

swaan
swane

con chim hải âu

seemeeu
seemeeus

con cú

uil
uile

con chim cánh cụt

pikkewyn
pikkewyne

con vẹt

papegaai
papegaai

con sâu bướm

ruspe
ruspes

con chuồn chuồn

naaldekoker
naaldekokers

con mực ống

pylinkvis
pylinkvisse

con bạch tuộc

seekat
seekatte

con cá ngựa

seeperd
seeperde

con hải cẩu

rob
robbe

con sứa

jellievis
jellievisse

con cua

krap
krappe

con khủng long

dinosaurus
dinosaurusse

con rùa cạn

skilpad
skilpaaie

con cá sấu

krokodil
krokodille

Quốc gia

Châu Âu

Europa

Châu Á

Asië

Châu Mỹ

Amerika

Châu Phi

Afrika

Vương quốc Anh

Verenigde Koninkryk

Tây Ban Nha

Spanje

Thụy sĩ

Switserland

Ý

Italië

Pháp

Frankryk

Đức

Duitsland

Thái Lan

Thailand

Singapore

Singapoer

Nga

Rusland

Nhật Bản

Japan

Israel

Israel

Ấn Độ

Indië

Trung Quốc

Sjina

Hoa Kỳ

Verenigde State van Amerika

Mexico

Mexiko

Canada

Kanada

Chile

Chili

Brazil

Brasilië

Argentina

Argentinië

Nam Phi

Suid-Afrika

Nigeria

Nigerië

Ma Rốc

Marokko

Libya

Libië

Kenya

Kenia

Algeria

Algerië

Ai Cập

Egipte

New Zealand

Nieu-Seeland

Úc

Australië

Cơ thể

đầu

kop
koppe

mũi

neus
neuse

tóc

hare
hare

miệng

mond
monde

tai

oor
ore

mắt

oog
oë

bàn tay

hand
hande

bàn chân

voet
voete

tim

hart
harte

não

brein
breins

cổ

nek
nekke

mông

boud
boude

vai

skouer
skouers

đầu gối

knie
knieë

chân

been
bene

tay

arm
arms

bụng

buik
buike

ngực

boesem
boesems

lưng

rug
rûe

răng

tand
tande

lưỡi

tong
tonge

môi

lip
lippe

ngón tay

vinger
vingers

ngón chân

toon
tone

dạ dày

maag
mae

phổi

long
longe

gan

lewer
lewers

dây thần kinh

senuwee
senuwees

thận

nier
niere

ruột

derm
derms

trán

voorkop
voorkoppe

cằm

ken
kenne

má
cơ thể

wang
wange

râu

baard
baarde

ngón cái

duim
duime

ngón tay út

pinkie
pinkies

ngón tay đeo nhẫn

ringvinger
ringvingers

ngón tay giữa

middelvinger
middelvingers

ngón tay trỏ

wysvinger
wysvingers

móng tay

vingernael
vingernaels

gót chân

hakskeen
hakskene

xương sống

ruggraat
ruggrate

cơ bắp

spier
spiere

xương
cơ thể

been
bene

bộ xương

geraamte
geraamtes

xương sườn

rib
ribbes

đốt sống

werwel
werwels

bàng quang

blaas
blase

tĩnh mạch

aar
are

động mạch

slagaar
slagare

âm đạo

vagina
vagas

tinh trùng

sperm
sperms

dương vật

penis
penisse

tinh hoàn

testikel
testikels

Ngôi nhà

cửa

deur
deure

nhà bếp

kombuis
kombuise

phòng tắm

badkamer
badkamers

phòng khách

sitkamer
sitkamers

phòng ngủ

slaapkamer
slaapkamers

vườn

tuin
tuine

gara

motorhuis
motorhuise

tường

muur
mure

tầng hầm

kelder
kelders

nhà vệ sinh
nhà ở

toilet
toilette

cầu thang

trappe
trappe

mái nhà

dak
dakke

cửa sổ
tòa nhà

venster
vensters

dao

mes
messe

tách

koppie
koppies

ly

glas
glase

đĩa

bord
borde

cốc

koppie
koppies

thùng rác

vullisblik
vullisblikke

tô

bak
bakke

bàn
văn phòng

lessenaar
lessenare

giường

bed
beddens

gương

spieël
spieëls

vòi hoa sen

stort
storte

ghế sofa

bank
banke

ảnh

prent
prente

đồng hồ

horlosie
horlosies

bàn
nhà

tafel
tafels

ghế
nhà

stoel
stoele

hàng xóm

buurman
buurmanne

thang máy

hysbak
hysbakke

ban công

balkon
balkonne

gác xép

solder
solders

ống khói

skoorsteen
skoorstene

muỗng gỗ

houtlepel
houtlepels

đũa

eetstokkie
eetstokkies

bộ dao nĩa

eetgerei
eetgereie

muỗng

lepel
lepels

nĩa

vurk
vurke

cái vĩa

skelepel
skelepels

nồi

pot
potte

chảo

pan
panne

bóng đèn

gloeilamp
gloeilampe

giá sách

boekrak
boekrakke

rèm

gordyn
gordyne

nệm

matras
matrasse

gối

kussing
kussings

chăn

kombers
komberse

kệ

rak
rakke

ngăn kéo

laai
laaie

tủ quần áo

klerekas
klerekaste

xô

emmer
emmers

chổi

besem
besems

cái cân

skaal
skale

giỏ đựng đồ giặt

wasgoed mandjie
wasgoed mandjies

bồn tắm

bad
baddens

khăn tắm
to lớn

badhanddoek
badhanddoeke

xà phòng

seep
sepe

giấy vệ sinh

toiletpapier
toiletpapiere

khăn tắm
nhỏ bé

handdoek
handdoeke

bồn rửa mặt

wasbak
wasbakke

cái thang

leer
lere

hộp thư

posbus
posbusse

hàng rào

heining
heinings

Thức ăn

trứng

eier
eiers

phô mai

kaas
kase

sữa

melk
melke

cá

vis
visse

thịt

vleis
vleise

xương
món ăn

been
bene

dầu

olie
olies

bánh mì

brood
brode

đường
món ăn

suiker
suikers

sô cô la

sjokolade
sjokolades

kẹo

lekkergoed
lekkergoede

bánh bông lan

koek
koeke

nước

water
waters

cà phê

koffie
koffies

trà

tee
teë

bia

bier
biere

rượu nho

wyn
wyne

sa lát

slaai
slaaië

súp

sop
soppe

món tráng miệng

nagereg
nageregte

bữa ăn sáng

ontbyt
ontbyte

bữa trưa

middagete
middagetes

bữa tối

aandete
aandetes

pizza

pizza
pizzas

kem

roomys
roomyse

bơ

botter
botters

sữa chua

jogurt
jogurts

cá ngừ

tuna
tunas

cá hồi

salm
salms

giăm bông

ham
hamme

thịt ba rọi

spek
spekke

xúc xích

wors
worse

thịt gà tây

kalkoenvleis
kalkoenvleise

thịt gà

hoendervleis
hoendervleise

thịt bò

beesvleis
beesvleise

thịt heo

varkvleis
varkvleise

thịt cừu

lamsvleis
lamsvleise

bí ngô

pampoen
pampoene

nấm

sampioen
sampioene

nấm cục

truffel
truffels

tỏi

knoffel
knoffels

tỏi tây

prei
prei

gừng

gemmer
gemmers

cà tím

eiervrug
eiervrugte

khoai lang

soetpatat
soetpatats

cà rốt

wortel
wortels

dưa chuột

komkommer
komkommers

ớt

brandrissie
brandrissies

ớt chuông

soetrissie
soetrissies

củ hành

ui
uie

khoai tây

aartappel
aartappels

bông cải trắng

blomkool
blomkole

bắp cải

kool
kole

bông cải xanh

broccoli
broccoli's

xà lách

blaarslaai
blaarslaaie

rau chân vịt

spinasie
spinasies

tre

bamboes
bamboes

ngô

mielies
mielies

cần tây

seldery
selderies

đậu Hà Lan

ertjie
ertjies

hạt đậu

boontjie
boontjies

quả lê

peer
pere

quả táo

appel
appels

quả ô liu

olyf
olywe

quả sung

vy
vye

quả chà là

dadel
dadels

quả dừa

klapper
klappers

quả hạnh nhân

amandel
amandels

hạt phỉ

haselneut
haselneute

đậu phộng

grondboontjie
grondboontjies

quả chuối

piesang
piesangs

quả xoài

mango
mangos

quả kiwi

kiwi
kiwis

quả bơ

avokado
avokado's

quả dứa

pynappel
pynappels

dưa hấu

waatlemoen
waatlemoene

quả nho

druivekorrel
druivekorrels

dưa gang

spanspek
spanspekke

quả mâm xôi

framboos
frambose

quả việt quất

bloubessie
bloubessies

quả dâu tây

aarbei
aarbeie

quả anh đào

kersie
kersies

quả mận

pruim
pruime

quả mơ

appelkoos
appelkose

quả đào

perske
perskes

quả chanh

suurlemoen
suurlemoene

quả bưởi

pomelo
pomelo's

quả cam

lemoen
lemoene

cà chua

tamatie
tamaties

bạc hà

kruisement
kruisemente

sả

sitroengras
sitroengrassie

quế

kaneel
kanele

vani

vanielje
vanieljes

muối

sout
soute

tiêu

peper
pepers

cà ri

kerrie
kerries

thuốc lá
thực vật

tabak
tabakke

đậu hũ

tofu
tofus

giấm

asyn
asyne

mì sợi

noedel
noedels

sữa đậu nành

sojamelk
sojamelke

bột mì

meel
mele

gạo

rys
ryse

yến mạch

hawer
hawers

lúa mì

koring
koring

đậu nành

soja
sojas

hạt

neut
neute

mật ong

heuning
heunings

mút

konfyt
konfyte

kẹo cao su

kougom
kougomme

bánh kẹp

pannekoek
pannekoeke

bánh quy

koekie
koekies

bánh pudding

nagereg
nageregte

bánh muffin

muffin
muffins

bánh rán vòng

doughnut
doughnuts

nước tăng lực

energie drankie
energie drankies

nước cam

lemoensap
lemoensappe

nước táo

appelsap
appelsappe

sữa lắc

melkskommel
melkskommels

coca cola

coke
cokes

sô cô la nóng

warmsjokolade
warmsjokolades

rượu cocktail

skemerkelkie
skemerkelkies

rượu rum

rum
rum

rượu whisky

whisky
whiskies

rượu vodka

vodka
vodkas

thực đơn

spyskaart
spyskaarte

hải sản

seekos
seekosse

mì Ý

spaghetti
spaghetitis

sushi

soesji
soesji's

bắp rang bơ

springmielies
springmielies

khoai tây lát mỏng

skyfies
skyfies

cánh gà

hoendervlerkies
hoendervlerkies

khoai tây chiên

slaptjips
slaptjips

mù tạt

mosterd
mosterds

sốt mayonnaise

mayonnaise
mayonnaise

nước sốt cà chua

tamatiesous
tamatiesouse

bánh mì kẹp

toebroodjie
toebroodjies

bánh mì kẹp xúc xích

worsbroodjie
worsbroodjies

bánh burger

burger
burgers

Trường học

sách

boek
boeke

thư viện

biblioteek
biblioteke

bài tập về nhà

huiswerk
huiswerke

bài thi

eksamen
eksamens

bài học

les
lesse

khoa học

wetenskap
wetenskappe

lịch sử

geskiedenis
geskiedenis

nghệ thuật

kuns
kunste

cây bút

pen
penne

bút chì

potlood
potlode

thứ nhất

eerste
eerstes

thứ hai
2

tweede
tweedtes

thứ ba
3

derde
derdes

thứ tư
4

vierde
vierdes

ngiên cứu

navorsing
navorsings

bằng cấp

graad
grade

sân thể thao

sportgrond
sportgronde

từ điển

woordeboek
woordeboek

học kì

skoolkwartaal
skoolkwartale

sổ tay

notaboek
notaboek

hình học

meetkunde
meetkunde

chính trị học

politiek
politiek

triết học

filosofie
filosofies

kinh tế học

ekonomie
ekonomies

giáo dục thể chất

liggaamsopvoeding
liggaamsopvoeding

sinh học

biologie
biologie

toán học

wiskunde
wiskunde

địa lý

aardrykskunde
aardrykskunde

văn học

letterkunde
letterkunde

hóa học

chemie
chemie

vật lý

fisika
fisika

cải thước

liniaal
liniale

cục tẩy

uitveër
uitveërs

cái kéo

skêr
skêre

băng dính

kleefband
kleefbande

keo dán

gom
gomme

bút bi

balpuntepen
balpuntepene

kẹp giấy

skuifspeld
skuifspelde

3%

drie persent

100%

een honderd persent

0%

nul persent

mét khối

kubieke meter
kubieke meters

mét vuông

vierkante meter
vierkante meters

dặm

myl
myle

mét

meter
meters

mi-li-mét

millimeter
millimeters

xen-ti-mét

sentimeter
sentimeters

đề-xi-mét

desimeter
desimeters

phép cộng

toevoeging
toevoegings

phép trừ

afrekking
aftrekkings

phép nhân

vermenigvuldiging
vermenigvuldigings

phép chia

verdeling
verdelings

diện tích

area
areas

thể tích

volume
volumes

hình chữ nhật

reghoek
reghoeke

hình vuông

vierkant
vierkante

tam giác

driehoek
driehoeke

hình tròn

sirkel
sirkels

lít

liter
liters

mililít

milliliter
milliliters

tấn

ton
tonne

kilôgam

kilogram
kilogramme

gram

gram
gramme

nam châm

magneet
magnete

kính hiển vi

mikroskoop
mikroskope

cái phễu

tregter
tregters

phòng thí nghiệm

laboratorium
laboratoriums

bài giảng

lesing
lesings

Thiên nhiên

tro

as
asse

lửa

vuur
vure

kim cương

diamant
diamante

mặt trăng

maan
mane

mặt trời

son
sonne

ngôi sao

ster
sterre

hành tinh

planeet
planete

bờ biển
biển

kus
kuste

hồ

meer
mere

rừng

woud
woude

sa mạc

woestyn
woestyne

đồi núi

heuvel
heuwels

đá
danh từ

rots
rotse

con sông

rivier
riviere

thung lũng

vallei
valleie

núi

berg
berge

đảo

eiland
eilande

đại dương

oseaan
oseane

biển

see
seë

băng

ys
ys

tuyết

sneeu
sneeu

bão táp

storm
storms

mưa

reën
reëns

gió

wind
winde

cây

boom
bome

cỏ

gras
grasse

hoa hồng

roos
rose

hoa

blom
blomme

kim loại

metaal
metale

đất

grond
gronde

dung nham

lawa
lawas

than

steenkool
steenkole

cát

sand
sande

đất sét

klei
kleie

tên lửa

vuurpyl
vuurpyle

vệ tinh

satelliet
satelliete

thiên hà

sterrestelsel
sterrestelsels

tiểu hành tinh

asteroïde
asteroïdes

lục địa

vasteland
vastelande

đường Xích đạo

ewenaar
ewenaar

Nam cực

Suidpool
Suidpole

Bắc cực

Noordpool
Noordpole

suối

stroom
strome

rừng nhiệt đới

reënwood
reënwoude

hang

grot
grotte

thác nước

waterval
watervalle

bờ biển
con sông

strand
strande

sông băng

gletser
gletsers

động đất

aardbewing
aardbewings

miệng núi lửa

krater
kraters

núi lửa

vulkaan
vulkane

khí quyển

atmosfeer
atmosfere

lũ lụt

vloed
vloede

sương mù
danh từ

mis
mis

cầu vồng

reënboog
reënboë

tiếng sấm

donderweer
donderwere

tia chớp

weerlig
weerligte

cơn dông

donderstorm
donderstorms

nhệt độ

temperatuur
temperature

bão nhiệt đới

tifoon
tifone

bão

orkaan
orkane

mây

wolk
wolke

cành cây

tak
takke

lá cây

blaar
blare

rễ cây

wortel
wortels

thân cây

stam
stamme

hạt giống

saad
sade

nhựa

plastiek
plastieke

cacbon điôxít

koolstofdioksied
koolstofdioksiede

nguyên tử

atoom
atome

sắt

yster
yster

ôxy

suurstof
suurstof

vàng

goud
goud

bạc

silwer
silwer

Giao thông

xe hơi

voertuig
voertuie

xe buýt

bus
busse

xe lửa

trein
treine

ga xe lửa

spoorwegstasie
spoorwegstasies

trạm dừng xe buýt

busstop
busstoppe

máy bay

vliegtuig
vliegtuie

tàu

skip
skepe

xe tải

vragmotor
vragmotors

xe đạp

fiets
fietse

xe mô tô

motorfiets
motorfietse

xe taxi

taxi
taxi's

đèn giao thông

verkeerslig
verkeersligte

bãi đậu xe

parkeerterrein
parkeerterreine

đường
xe hơi

pad
paaie

ắc quy

battery
batterye

động cơ
xe hơi

motor
motors

túi khí

lugsak
lugsakke

vô-lăng

stuurwiel
stuurwiele

dây an toàn

veiligheidsgordel
veiligheidsgordels

lốp xe

band
bande

cốp sau

kattebak
kattebakke

máy bán vé

kaartjie-outomaat
kaartjie-automate

phòng bán vé

kaartjieskantoor
kaartjieskantore

tàu điện ngầm

metro
metro's

tàu cao tốc

sneltrein
sneltreine

đầu máy

lokomotief
lokomotiewe

xe điện

trem
trem

xe buýt trường học

skoolbus
skoolbusse

xe buýt nhỏ

minibus
minibusse

sân bay

lughawe
lughawens

hãng hàng không

lugredery
lugrederye

máy bay trực thăng

helikopter
helikopters

hạng nhất

eerste klas
eerste klasse

hạng phổ thông

ekonomiese klas
ekonomiese klasse

hạng thương gia

besigheidsklas
besigheidsklasse

áo phao

reddingsbaadjie
reddingsbaadjies

công ten nơ

houer
houers

tàu ngầm

duikboot
duikbote

tàu du lịch

passasierskip
passasierskepe

tàu chở hàng

houerskip
houerskepe

du thuyền

seiljag
seiljagte

phà

veerboot
veerbote

hải cảng

hawe
hawens

xuồng cứu sinh

reddingsboot
reddingsbote

ra đa

radar
radars

đèn đường

straatlig
straatligte

vĩa hè

sypaadjie
sypaadjies

trạm xăng

vulstasie
vulstasies

công trường

bouterrein
bouterreine

vạch qua đường

voetgangersoorgang
voetgangersoorgange

tắc đường

verkeersknoop
verkeersknope

đường cao tốc

snelweg
snelweê

xe tăng

tenk
tenks

máy xúc

graafmasjien
graafmasjiene

máy kéo

trekker
trekkers

rơ-moóc

sleepwa
sleepwaens

xe tay ga

bromponie
bromponies

xe cáp treo

kabelkar
kabelkarre

Thành phố

bệnh viện

hospitaal
hospitale

trường học

skool
skole

nhà ở

huis
huise

hóa đơn

rekening
rekeninge

chợ

mark
markte

siêu thị

supermark
supermarkte

căn hộ

woonstel
woonstelle

trường đại học

universiteit
universiteite

nông trại

plaas
plase

nhà thờ

kerk
kerke

nhà hàng

restaurant
restaurante

quán bar

kroeg
kroeë

phòng thể dục

gimnasium
gimnasiums

công viên

park
parke

nhà vệ sinh
đại cương

toilet
toilette

bản đồ

kaart
kaarte

xe cứu thương

ambulans
ambulanse

cảnh sát
đại cương

polisie
polisie

lính cứu hỏa
đại cương

brandbestryders
brandbestryders

quốc gia

land
lande

ngoại ô

voorstad
voorstede

ngôi làng

dorp
dorpe

bảo hành

waarborg
waarborge

trung tâm mua sắm

inkopiesentrum
inkopiesentrums

tiệm thuốc

apteek
apteke

tòa nhà chọc trời

wolkekrabber
wolkekrabbers

lâu đài

kasteel
kastele

đại sứ quán

ambassade
ambassades

giáo đường Do Thái

sinagoge
sinagoges

ngôi đền

tempel
tempels

nhà máy

fabriek
fabrieke

nhà thờ Hồi giáo

moskee
moskees

tòa thị chính

stadsaal
stadsale

bưu điện

poskantoor
poskantore

đài phun nước

fontein
fonteine

câu lạc bộ đêm

nagklub
nagklubs

băng ghế

bank
banke

sân golf

golfbaan
gholfbane

sân bóng đá

sokkerstadion
sokkerstadions

hồ bơi
tòa nhà

swembad
swembaddens

sân quần vợt

tennisbaan
tennisbane

thông tin du lịch

toeriste inligting
toeriste inligtings

sòng bạc

casino
casinos

phòng triển lãm nghệ thuật

kunsgalery
kunsgalerye

bảo tàng

museum
museums

công viên quốc gia

nasionale park
nasionale parke

quà lưu niệm

aandenking
aandenkings

thủy cung

akwarium
akwariums

trượt nước

waterglybaan
waterglybane

tàu lượn siêu tốc

tuimeltrein
tuimeltreine

công viên nước

waterpark
waterparke

vườn bách thú

dieretuin
dieretuine

sân chơi

speelgrond
speelgronde

cửa thoát hiểm
tòa nhà

nooduitgang
nooduitgange

chuông báo cháy

brandalarm
brandalarms

bình cứu hỏa

brandblusser
brandblussers

đồn cảnh sát

polisiestatie
polisiestaties

tiểu bang

staat
state

khu vực

streek
streke

thủ đô

hoofstad
hoofstede

Bệnh viện

tai nạn

ongeluk
ongelukke

bệnh nhân

pasiënt
pasiënte

phẫu thuật

chirurgie
chirurgieë

viên thuốc

pil
pille

sốt

koors
koorse

ho

hoes
hoese

phòng cấp cứu

ongevale
ongevalle

khoa hồi sức tích cực

intensiewe zorgenheid
intensiewe zorgenhede

phòng chờ

wagkamer
wagkamers

thuốc aspirin

aspirien
aspirienes

thuốc ngủ

slaappil
slaappille

ngày hết hạn

vervaldatum
vervaldatums

liều lượng

dosis
dosisse

si-rô ho

hoesstroop
hoesstroepe

tác dụng phụ

newe-effek
newe-effekte

insulin

insulien
insulien

bột

poeier
poeiers

viên nhộng

kapsule
kapsules

vitamin

vitamien
vitamiene

thuốc giảm đau

pynstiller
pynstillers

kháng sinh

antibiotika
antibiotikas

vi khuẩn

bakterie
bakterieë

vi rút

virus
viruse

đau tim

hartaanval
hartaanvalle

tiêu chảy

diarree
diarree

tiểu đường

suikersiekte
suikersiektes

đột quỵ

beroerte
beroertes

hen suyễn

asma
asma

ung thư

kanker
kankers

cúm

griep
griepe

đau răng

tandpyn
tandpyne

cháy nắng

sonbrand
sonbrande

viêm họng

seerkeel
seerkele

đau bụng

maagpyn
maagpyne

nhiễm trùng

infeksie
infeksies

dị ứng

allergie
allergieë

chuột rút

kramp
krampe

đau đầu

hoofpyn
hoofpyne

ống tiêm

sput
spuite

nặng

kruk
krukke

chụp X quang

X-straalfoto
X-straalfotos

máy siêu âm

ultraklank masjien
ultraklank masjiene

bó bột
nhỏ bé

pleister
pleisters

xe lăn

rolstoel
rolstoele

bó bột
gãy xương

gips
gipse

mạch

pols
polse

chấn thương

besering
beserings

cấp cứu

noodgeval
noodgevalle

chấn động

harsingskudding
harsingskuddings

vết bỏng

brandwond
brandwonde

gãy xương

breuk
breuke

thuốc tránh thai

geboortebeperkingspil
geboortebeperkingspille

thử thai

swangerskaptoets
swangerskaptoetse

Nghề nghiệp

bác sĩ

dokter
dokters

y tá

verpleegster
verpleegsters

cảnh sát
người

polisieman
polisiemanne

tổng thống

president
presidente

thuyền trưởng

kaptein
kapteins

thám tử

speurder
speurders

phi công

vlieënier
vlieëniers

giáo sư

professor
professors

giáo viên

onderwyser
onderwysers

luật sư

prokureur
prokureurs

thư ký

sekretaresse
sekretaresse

trợ lý

assistent
assistente

thẩm phán

regter
regters

quản lý

bestuurder
bestuurders

đầu bếp

kok
kokke

tài xế taxi

taxibestuurder
taxibestuurders

tài xế xe buýt

busbestuurder
busbestuurders

người mẫu

model
modelle

nghệ sĩ

kunstenaar
kunstenars

thủ tướng

eerste minister
eerste ministers

dược sĩ

apteker
aptekers

lính cứu hỏa
người

brandweerman
brandweermanne

nha sĩ

tandarts
tandartse

doanh nhân

entrepreneur
entrepreneurs

chính trị gia

politikus
politici

lập trình viên

programmeerder
programmeerders

tiếp viên hàng không

lugwaardin
lugwaardinne

nhà khoa học

wetenskaplike
wetenskaplikes

giáo viên mầm non

kleuterskool onderwyseres
kleuterskool onderwyseresse

kiến trúc sư

argitek
argitekte

kế toán viên

rekenmeester
rekenmeesters

tư vấn viên

konsultant
konsultante

công tố viên

aanklaer
aanklaers

tổng quản lý

hoof bestuurder
hoof bestuurders

vệ sĩ

lyfwag
lyfwagte

chủ nhà

verhuurder
verhuurders

bồi bàn

kelner
kelners

nhân viên bảo vệ

sekuriteitswag
sekuriteitswagte

bộ đội

soldaat
soldate

ngư dân

visserman
vissermanne

nhân viên vệ sinh

skoonmaker
skoonmakers

thợ sửa ống nước

loodgieter
loodgieters

thợ điện

elektrisiën
elektrisiëns

nông dân

boer
boere

lễ tân

ontvangsdame
ontvangsdames

người đưa thư

posman
posmanne

thu ngân

kassier
kassiers

thợ làm tóc

haarkapper
haarkappers

tác giả

skrywer
skrywers

nhà báo

joernalis
joernaliste

nhiếp ảnh gia

fotograaf
fotograwe

nhân viên cứu hộ

lewensredder
lewensredders

ca sĩ

sanger
sangers

nhạc sĩ

musikant
musikante

diễn viên

akteur
akteurs

phóng viên

verslaggewer
verslaggewers

huấn luyện viên

afrigter
afrigters

trọng tài

skeidsregter
skeidsregters

Kinh doanh

tiền

geld
gelde

văn phòng

kantoor
kantore

áp lực

stres
stres

bảo hiểm

versekering
versekerings

nhân viên
công ty

personeel
personele

bộ phận

departement
departemente

lương

salaris
salarisse

địa chỉ

adres
adresse

lá thư

brief
briewe

số điện thoại

telefoonnummer
telefoonnummers

url

URL
URL's

địa chỉ email

e-pos adres
e-pos adresse

trang mạng

webwerf
webwerwe

thư điện tử

e-pos
e-posse

chữ ký

handtekening
handtekeninge

thua lỗ

verlies
verliese

lợi nhuận

wins
winste

khách hàng

kliënt
kliënte

số tiền

bedrag
bedrae

thẻ tín dụng

kredietkaart
kredietkaarte

mật khẩu

wagwoord
wagwoorde

máy rút tiền

kontant masjien
kontant masjiene

thuế

belasting
belastings

phòng họp

vergaderkamer
vergaderkamers

danh thiếp

besigheidskaartjie
besigheidskaartjies

công nghệ thông tin

IT
IT

nhân sự

menslike hulpbronne
menslike hulpbronne

bộ phận pháp lý

regsdepartement
regsdepartemente

kế toán

rekeningkunde
rekeningkunde

tiếp thị

bemarking
bemarkings

bán hàng

verkope
verkope

đồng nghiệp

kollega
kollegas

người sử dụng lao động

werkgewer
werkgewers

nhân viên
người

werknemer
werknemers

chú thích

nota
notas

thuyết trình

voorlegging
voorleggings

bìa cứng

lêer
lêers

con dấu cao su

rubberstempel
rubberstempels

máy chiếu

projektor
projektors

bưu kiện

pakkie
pakkies

con tem

zegel
zegels

phong bì

koevert
koeverte

trình duyệt

webblaaier
webblaaiers

đầu tư

belegging
beleggings

sàn giao dịch chứng khoán

aandelebeurs
aandelebeurse

tiền giấy

banknoot
banknote

tiền xu

munt
munte

tiền lãi

rente
rentes

khoản vay

lening
lenings

số tài khoản

rekeningnommer
rekeningnommers

tài khoản ngân hàng

bankrekening
bankrekenings

Thiết bị

điện thoại

telefoon
telephone

bộ tivi

TV-stel
TV-stelle

máy ảnh

kamera
kameras

đài radio

radio
radios

quạt

waaier
waaiers

máy điều hòa

lugverkoeler
lugverkoelers

máy pha cà phê

koffiemasjien
koffiemasjiene

máy nướng bánh mì

broodrooster
broodrosters

máy hút bụi

stofsuier
stofsuiers

máy sấy tóc

haardroër
haardroërs

ấm đun nước

ketel
ketels

máy rửa chén

skottelgoedwasser
skottelgoedwassers

bếp điện

kooktoestel
kooktoestelle

lò nướng

oond
oonde

lò vi sóng

mikrogolf
mikrogolwe

tủ lạnh

yskas
yskaste

máy giặt

wasmasjien
wasmasjiene

điều khiển từ xa

afstandbeheer
afstandbeheerders

tai nghe

oorfoon
oorfone

chuột

muis
muise

bàn phím

sleutelbord
sleutelborde

ổ cứng

hardeskyf
hardeskywe

thanh USB

USB-stokkie
USB-stokkies

máy quét

skandeerder
skandeerders

máy in

drukker
drukkers

màn hình

rekenaarskerm
rekenaarskerms

máy tính xách tay

skootrekenaar
skootrekenaars

rô bốt

robot
robotte

loa

luidspreker
luidsprekers

